



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2013

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Andy Ho	Thành viên
	Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0900189284 ngày 22 tháng 11 năm 2012. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận thuần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Công ty là 434.697 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 383.301 triệu VND).

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013. Trong quá trình lập báo cáo riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.


Thay mặt Ban Giám đốc
TRẦN TUẤN DƯƠNG
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2013



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến 41. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc soát xét chủ yếu giới hạn ở việc phỏng vấn cán bộ của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với các số liệu tài chính. Do đó công tác này cung cấp một mức độ bảo đảm thấp hơn so với một cuộc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện một cuộc kiểm toán, vì vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 13-02-035-2013



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2013

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		387.455.607.672	395.017.489.446
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	362.585.240.287	257.805.636.347
Tiền	111		2.635.240.287	3.005.636.347
Các khoản tương đương tiền	112		359.950.000.000	254.800.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	89.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	12.723.548.360	35.732.921.479
Phải thu khách hàng	131		7.535.282.684	1.626.018.842
Trả trước cho người bán	132		511.818.469	54.413.743
Phải thu khác	135		4.676.447.207	34.052.488.894
Hàng tồn kho	140		426.666.215	426.662.050
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.720.152.810	12.052.269.570
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		113.587.992	177.124.563
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		219.520.051	99.499.472
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	6	11.196.159.975	11.366.823.482
Tài sản ngắn hạn khác	158		190.884.792	408.822.053

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		7.922.480.985.645	7.487.473.476.896
Các khoản phải thu dài hạn	210	5	448.979.590.000	448.979.590.000
Phải thu dài hạn khác	218		448.979.590.000	448.979.590.000
Tài sản cố định	220		41.324.353.983	19.368.362.178
Tài sản cố định hữu hình	221	7	11.914.328.656	15.753.792.200
Nguyên giá	222		35.587.961.182	37.222.919.236
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.673.632.526)	(21.469.127.036)
Tài sản cố định vô hình	227	8	29.410.025.327	3.614.569.978
Nguyên giá	228		30.447.519.100	4.491.519.100
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.037.493.773)	(876.949.122)
Bất động sản đầu tư	240	9	241.498.603.690	247.979.280.094
Nguyên giá	241		259.227.056.200	259.227.056.200
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(17.728.452.510)	(11.247.776.106)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	10	7.187.351.237.533	6.766.361.237.533
Đầu tư vào công ty con	251		7.179.421.237.533	6.479.431.237.533
Đầu tư vào công ty liên kết	252		7.230.000.000	7.230.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		700.000.000	279.700.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.327.200.439	4.785.007.091
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	3.323.200.439	4.781.007.091
Tài sản dài hạn khác	268		4.000.000	4.000.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.309.936.593.317	7.882.490.966.342

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		907.786.248.233	899.789.113.569
Nợ ngắn hạn	310		256.806.658.233	388.809.523.569
Vay ngắn hạn	311	12	200.000.000.000	347.400.000.000
Phải trả người bán	312		1.363.258.213	1.802.953.185
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314		31.112.123	47.832.525
Phải trả người lao động	315		388.828.000	740.814.900
Chi phí phải trả	316	13	27.965.894.977	13.488.127.853
Phải trả khác	319	14	6.094.390.069	11.566.223.211
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		20.963.174.851	13.763.571.895
Vay và nợ dài hạn	330		650.979.590.000	510.979.590.000
Phải trả dài hạn khác	333	14	448.979.590.000	448.979.590.000
Vay dài hạn	334	15	202.000.000.000	62.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		7.402.150.345.084	6.982.701.852.773
Vốn chủ sở hữu	410	16	7.402.150.345.084	6.982.701.852.773
Vốn cổ phần	411	17	4.190.525.330.000	4.190.525.330.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	16	2.207.350.817.068	2.207.350.817.068
Quỹ dự phòng tài chính	418	16	86.611.964.000	86.611.964.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		917.662.234.016	498.213.741.705
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.309.936.593.317	7.882.490.966.342

Người lập:

Lý Thị Ngan
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

15 -08- 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Tổng doanh thu	01	18	16.061.400.000	10.921.868.353
Giá vốn hàng bán	11	19	6.480.676.404	5.004.385.365
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		9.580.723.596	5.917.482.988
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	454.383.493.260	459.020.846.620
<i>Trong đó: lợi nhuận công ty con chuyển về</i>			<i>434.370.439.530</i>	<i>378.487.278.302</i>
Chi phí tài chính	22	21	25.140.061.569	69.865.169.111
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>25.140.061.569</i>	<i>69.861.302.512</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		13.561.811.532	14.663.135.295
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}	30		425.262.343.755	380.410.025.202
Thu nhập khác	31	22	10.892.556.771	5.217.895.873
Chi phí khác	32		1.287.494.708	2.327.352.478
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		9.605.062.063	2.890.543.395
Lợi nhuận trước thuế TNDN (50 = 30 + 40)	50		434.867.405.818	383.300.568.597
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	170.663.507	4.315
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		434.696.742.311	383.300.564.282

Người lập:

[Signature]

Lý Thị Ngân
Kế toán trưởng



Người duyệt:

[Signature]

Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

15 -08- 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		434.867.405.818	383.300.568.597
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		9.883.308.930	8.100.591.493
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.016.651)	(444.910)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(454.398.549.087)	(459.019.374.289)
Chi phí lãi vay	06		25.140.061.569	69.861.302.512
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		15.491.210.579	2.242.643.403
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		2.278.371.159	165.130.640.247
Biến động hàng tồn kho	10		(4.165)	2.492.828.287
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(15.082.575.301)	(28.337.701.293)
Biến động chi phí trả trước	12		1.899.491.370	(80.827.382)
			4.586.493.642	141.447.583.262
Tiền lãi vay đã trả	13		(10.574.760.330)	(53.083.334)
Thuế thu nhập đã nộp	14		-	(5.723.499.672)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	32.283.400
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.471.741.844)	(21.737.568.012)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.460.008.532)	113.965.715.644

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(25.520.700.000)	(256.662.835.882)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		300.000.000	-
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(213.740.915.033)
Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		353.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(584.990.000.000)	(301.674.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	275.509.000.000
Tiền thu lãi cho vay và lợi nhuận từ các công ty con	27		302.486.740.481	342.394.753.587
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		45.276.040.481	(154.173.997.328)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	31		-	75.601.431.493
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		114.000.000.000	57.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(42.000.000.000)	(7.000.000.000)
Tiền trả cổ tức	36		(37.923.050)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		71.962.076.950	125.601.431.493
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		104.778.108.899	85.393.149.809
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		257.805.636.347	168.143.844.207
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		1.495.041	(461.072)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	362.585.240.287	253.536.532.944

Người lập:

Ly Thị Ngan
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

15 -08- 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 09a – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là:

- cho thuê văn phòng; và
- đầu tư tài chính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 65 nhân viên (31/12/2012: 64 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

2.1 Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

2.2 Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

3.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong kỳ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 7 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |

3.6 Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định không được phân bổ.

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 6 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

3.7 Bất động sản đầu tư

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 năm

3.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các công cụ và dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng và chi phí phát hành trái phiếu. Các chi phí này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 3 năm.

3.9 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

3.10 Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

3.11 Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(a) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(b) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh cho các báo cáo tài chính riêng và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

3.12 Thuế thu nhập

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

3.13 Doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(b) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

3.14 Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3.15 Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

3.16 Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

3.17 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty con, công ty liên kết của Công ty và các bên khác như được định nghĩa trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	160.770.945	243.704.932
Tiền gửi ngân hàng	2.474.469.342	2.761.931.415
Các khoản tương đương tiền	359.950.000.000	254.800.000.000
	362.585.240.287	257.805.636.347

5. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu từ các bên liên quan		
Thương mại	7.500.000.000	1.605.120.000
Phi thương mại	1.127.768.261	32.161.679.958

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan được áp dụng các điều khoản thanh toán tương tự như các khoản phải thu thương mại từ các bên thứ ba.

Các khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn từ các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Phải thu ngắn hạn khác gồm:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền lãi dự thu	4.255.782.486	31.893.763.805
Phải thu khác	420.664.721	2.158.725.089
	4.676.447.207	34.052.488.894

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Phải thu dài hạn khác gồm:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Khoản ủy thác đầu tư (*)	448.979.590.000	448.979.590.000

(*) Khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel do sự ủy thác của Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát Á Châu. Trách nhiệm, rủi ro, tổn thất cũng như mức sinh lời của khoản đầu tư này thuộc về Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát Á Châu. Số tiền này tương ứng với số tiền nhận ủy thác đầu tư đang được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác (Thuyết minh 14).

6. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.184.790.801	11.355.454.308
Các khoản phải thu Ngân sách Nhà nước	11.369.174	11.369.174
	11.196.159.975	11.366.823.482

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

7. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	12.839.420.525	1.447.945.455	22.935.553.256	37.222.919.236
Tăng trong kỳ	-	-	20.700.000	20.700.000
Thanh lý	-	-	(774.347.922)	(774.347.922)
Phân loại lại (*)	(881.310.132)	-	-	(881.310.132)
Số dư cuối kỳ	11.958.110.393	1.447.945.455	22.181.905.334	35.587.961.182
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	6.170.114.281	169.676.437	15.129.336.318	21.469.127.036
Khấu hao trong kỳ	1.424.248.255	113.863.248	1.666.087.486	3.204.198.989
Thanh lý	-	-	(490.420.400)	(490.420.400)
Phân loại lại (*)	(509.273.099)	-	-	(509.273.099)
Số dư cuối kỳ	7.085.089.437	283.539.685	16.305.003.404	23.673.632.526
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	6.669.306.244	1.278.269.018	7.806.216.938	15.753.792.200
Số dư cuối kỳ	4.873.020.956	1.164.405.770	5.876.901.930	11.914.328.656

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có các tài sản với nguyên giá 2.406 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 2.406 triệu VND).

(*) Trong kỳ, Công ty phân loại một số tài sản cố định với nguyên giá thấp hơn 30 triệu VND sang chi phí trả trước dài hạn theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	2.755.408.500	1.736.110.600	4.491.519.100
Tăng trong kỳ	26.000.000.000	-	26.000.000.000
Phân loại lại (*)	-	(44.000.000)	(44.000.000)
Số dư cuối kỳ	28.755.408.500	1.692.110.600	30.447.519.100
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	876.949.122	876.949.122
Khấu hao trong kỳ	-	198.433.537	198.433.537
Phân loại lại (*)	-	(37.888.886)	(37.888.886)
Số dư cuối kỳ	-	1.037.493.773	1.037.493.773
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	2.755.408.500	859.161.478	3.614.569.978
Số dư cuối kỳ	28.755.408.500	654.616.827	29.410.025.327

(*) Trong kỳ, Công ty phân loại một số tài sản cố định vô hình với nguyên giá thấp hơn 30 triệu VND sang chi phí trả trước dài hạn theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

9. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	259.227.056.200
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	11.247.776.106
Khấu hao trong kỳ	6.480.676.404
Số dư cuối kỳ	17.728.452.510
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	247.979.280.094
Số dư cuối kỳ	241.498.603.690

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà văn phòng tại số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, bất động sản đầu tư với giá trị còn lại là 241.499 triệu VND (31/12/2012: 247.979 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2013			31/12/2012		
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % biểu quyết	Số tiền đã đầu tư VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % biểu quyết	Số tiền đã đầu tư VND
Đầu tư dài hạn vào:						
▪ Công ty con						
• Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	99,72%	99,72%	179.500.000.000	99,72%	99,72%	179.500.000.000
• Công ty CP Nội thất Hòa Phát	99,60%	99,60%	249.000.000.000	99,60%	99,60%	249.000.000.000
• Công ty TNHH Ông thép Hòa Phát	99,89%	99,89%	449.500.000.000	99,86%	99,86%	349.500.000.000
• Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	99,67%	99,67%	149.500.000.000	99,67%	99,67%	149.500.000.000
• Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	99,67%	99,67%	299.000.000.000	99,67%	99,67%	299.000.000.000
• Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	99,00%	99,00%	49.500.000.000	99,00%	99,00%	49.500.000.000
• Công ty CP Thép Hòa Phát	88,00%	88,00%	2.199.990.000.000	85,00%	85,00%	1.700.000.000.000
• Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	99,96%	99,96%	845.030.800.000	99,95%	99,95%	745.030.800.000
• Công ty CP Golden Gain Việt Nam	84,95%	84,95%	729.910.437.533	84,95%	84,95%	729.910.437.533
• Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	99,89%	99,89%	1.238.350.000.000	99,89%	99,89%	1.238.350.000.000
• Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát	100%	100%	600.000.000.000	100%	100%	600.000.000.000
• Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát	99,80%	99,80%	190.140.000.000	99,80%	99,80%	190.140.000.000
			7.179.421.237.533			6.479.431.237.533
▪ Công ty liên kết						
• Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát SSG	38%	38%	5.730.000.000	38%	38%	5.730.000.000
• Công ty CP Đầu tư và Khai thác Khoáng sản Yên Phú	50%	50%	1.500.000.000	50%	50%	1.500.000.000
			7.230.000.000			7.230.000.000
			700.000.000			279.700.000.000
			7.187.351.237.533			6.766.361.237.533
Các khoản đầu tư dài hạn khác (*)						

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(*) Các khoản đầu tư dài hạn khác gồm:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội (**)	700.000.000	700.000.000
Công ty CP Golden Gain Việt Nam	-	236.000.000.000
Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	-	43.000.000.000
	700.000.000	279.700.000.000

(**) Đây là khoản đầu tư vốn dài hạn với tỷ lệ vốn góp thực tế dưới 20%.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí phát hành trái phiếu VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.078.951.328	1.526.580.999	1.175.474.764	4.781.007.091
Tăng trong năm	77.320.000	201.853.000	-	279.173.000
Phân loại từ tài sản cố định (*)	-	378.148.147	-	378.148.147
Phân bổ trong kỳ	(558.966.549)	(548.611.452)	(1.007.549.798)	(2.115.127.799)
Số dư cuối kỳ	1.597.304.779	1.557.970.694	167.924.966	3.323.200.439

(*) Khoản này thể hiện giá trị còn lại của các tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn ghi nhận về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư 45. Theo đó, các tài sản này được phân loại từ tài sản cố định hữu hình và vô hình trong kỳ (Thuyết minh 7 và 8) sang Chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại, nhưng không quá 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

12. Vay ngắn hạn

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	-	129.400.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 15)	-	18.000.000.000
Trái phiếu phát hành đến hạn (Thuyết minh 15)	200.000.000.000	200.000.000.000
	200.000.000.000	347.400.000.000

(*) Vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện khoản vay bằng VND từ một công ty con của Công ty. Trong kỳ, khoản vay này được chuyển đổi thành một khoản vay dài hạn từ công ty con này (Thuyết minh 15(b)).

13. Chi phí phải trả

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí lãi trái phiếu	27.965.894.977	13.254.794.520
Chi phí khác	-	233.333.333
	27.965.894.977	13.488.127.853

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

14. Phải trả khác

Các khoản phải trả khác bao gồm:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải trả Công ty CP Golden Gain Enterprises	4.037.375.092	8.108.114.236
Chi phí lãi vay phải trả các bên liên quan	956.666.667	1.002.850.000
Phải trả khác	1.100.348.310	2.455.258.975
	6.094.390.069	11.566.223.211

Phải trả dài hạn khác gồm:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Khoản nhận ủy thác đầu tư	448.979.590.000	448.979.590.000

Khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Công ty nhận ủy thác đầu tư từ Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát Á Châu để đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel (Thuyết minh 5).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

15. Vay dài hạn

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn từ một ngân hàng (a)	38.000.000.000	80.000.000.000
Vay dài hạn từ một bên liên quan (b)	164.000.000.000	-
Trái phiếu dài hạn (c)	200.000.000.000	200.000.000.000
	402.000.000.000	280.000.000.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 12)		
• Vay dài hạn từ một ngân hàng	-	(18.000.000.000)
• Trái phiếu dài hạn	(200.000.000.000)	(200.000.000.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	202.000.000.000	62.000.000.000

(a) Các khoản vay này bằng VND, đáo hạn vào năm 2017, chịu lãi suất thả nổi và được đảm bảo bằng bất động sản đầu tư của Công ty tại số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội với giá trị còn lại là 241.499 triệu VND (Thuyết minh 9).

(b) Khoản vay này bằng VND, đáo hạn vào năm 2014, chịu lãi suất thả nổi và không được đảm bảo.

(c) Sau ngày 30 tháng 6 năm 2013, Trái phiếu dài hạn này đã được hoàn trả toàn bộ trong tháng 7 năm 2013. Trái phiếu được hưởng lãi suất 14,5%/năm cho năm đầu tiên kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2010 và được hưởng lãi suất bằng tổng các mức lãi suất tham khảo (số trung bình của 4 mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau công bố tại các Sở Giao dịch tại Hà Nội của 4 ngân hàng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) tại Ngày Ấn định Lãi suất hàng năm cộng thêm 3,5%/năm cho các năm tiếp theo. Trong trường hợp không có mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau, các mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND khác với kỳ hạn tương đương sẽ được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	3.178.497.600.000	2.257.862.350.000	313.613.480.000	(150.970.558.021)	86.611.964.000	903.681.040.070	6.589.295.876.049
Vốn cổ phần tăng trong kỳ	313.613.480.000	-	(313.613.480.000)	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ bán trong kỳ	-	(36.890.444.310)	-	112.491.875.803	-	-	75.601.431.493
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	383.300.564.282	383.300.564.282
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(10.560.000.000)	(10.560.000.000)
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.244.000.000)	(1.244.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	3.492.111.080.000	2.220.971.905.690	-	(38.478.682.218)	86.611.964.000	1.275.177.604.352	7.036.393.871.824
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	4.190.525.330.000	2.207.350.817.068	-	-	86.611.964.000	498.213.741.705	6.982.701.852.773
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	434.696.742.311	434.696.742.311
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(14.054.250.000)	(14.054.250.000)
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm sát	-	-	-	-	-	(1.194.000.000)	(1.194.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	4.190.525.330.000	2.207.350.817.068	-	-	86.611.964.000	917.662.234.016	7.402.150.345.084

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	419.052.533	4.190.525.330.000	419.052.533	4.190.525.330.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	419.052.533	4.190.525.330.000	419.052.533	4.190.525.330.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	419.052.533	4.190.525.330.000	419.052.533	4.190.525.330.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động của số cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ như sau:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày		Năm kết thúc ngày	
	30/6/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu kỳ	419.052.533	4.190.525.330.000	313.618.830	3.136.188.300.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	-	101.202.773	1.012.027.730.000
Cổ phiếu quỹ phát hành lại	-	-	4.230.930	42.309.300.000
Số dư cuối kỳ	419.052.533	4.190.525.330.000	419.052.533	4.190.525.330.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

18. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và cho thuê tài sản không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Bán hàng hóa	-	225.121.687
Cho thuê bất động sản đầu tư	16.061.400.000	10.696.746.666
	16.061.400.000	10.921.868.353

19. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Hàng hoá đã bán	-	225.121.687
Bất động sản đầu tư cho thuê	6.480.676.404	4.779.263.678
	6.480.676.404	5.004.385.365

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	20.012.037.079	75.036.095.987
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	434.370.439.530	378.487.278.302
Lãi từ thanh lý một khoản đầu tư dài hạn khác	-	5.496.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.027.421
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.016.651	444.910
	454.383.493.260	459.020.846.620

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

21. Chi phí tài chính

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	25.140.061.569	69.861.302.512
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	3.866.599
	25.140.061.569	69.865.169.111

22. Thu nhập khác

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	300.000.000	-
Thu phí bảo lãnh cho khoản vay của các công ty con	7.500.000.000	-
Thu nhập từ cho thuê tài sản	1.159.485.000	991.620.000
Hoàn nhập chi phí phạt thuế trích trước	-	2.409.420.652
Thu nhập khác	1.933.071.771	1.816.855.221
	10.892.556.771	5.217.895.873

23. Thuế thu nhập

23.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành		
Kỳ hiện hành	172.274.053	-
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	(1.610.546)	4.315
	170.663.507	4.315

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

23.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	434.867.405.818	383.300.568.597
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	(434.370.439.530)	(378.487.278.302)
Chi phí không được khấu trừ	192.129.924	313.319.401
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	689.096.212	5.126.609.696
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	172.274.053	1.281.652.424
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(1.281.652.424)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	172.274.053	-
Thuế TNDN (nộp thừa)/phải trả đầu kỳ	(11.355.454.308)	5.690.543.822
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	(1.610.546)	4.315
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(5.723.499.672)
Thuế TNDN nộp thừa cuối kỳ	(11.184.790.801)	(32.951.535)

23.3 Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế.

24. Các công cụ tài chính

24.1 Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(b) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

24.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các hợp đồng bảo lãnh đã phát hành.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	362.424	257.562
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	(ii)	-	368.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	12.212	35.679
Hợp đồng bảo lãnh đã phát hành (Thuyết minh 27.3)	(iv)	2.232.000	4.489.000
		2.606.636	5.150.241

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng và các công ty con của Công ty. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính và các công ty con này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn của Công ty là các khoản cho vay các bên liên quan. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản đầu tư này và không cho rằng các công ty này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra quyết định thực hiện các giao dịch với khách hàng đó. Hạn mức nợ và thời hạn trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Không có khoản phải thu nào đã quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (31/12/2012: Không).

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Ban Giám đốc tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(iv) Hợp đồng bảo lãnh đã phát hành

Công ty có chính sách chỉ bảo lãnh tài chính cho các công ty con.

24.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong vòng 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2013					
Phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác	35.424	35.424	35.424	-	-
Vay dài hạn	402.000	424.931	215.861	209.070	-
	437.424	460.355	251.285	209.070	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2012					
Phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác	26.857	26.857	26.857	-	-
Vay ngắn hạn	129.400	141.046	141.046	-	-
Vay dài hạn	280.000	324.233	246.553	9.600	68.080
	436.257	492.136	414.456	9.600	68.080

24.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(a) *Rủi ro tỷ giá hối đoái*

Công ty có rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Tại ngày báo cáo, Công ty có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2013 USD	31/12/2012 USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.311	4.315
Phải trả người bán	-	(9.104)
	4.311	(4.789)

Biến động tỷ giá hối đoái không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

(b) *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ 30/6/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	359.950	486.800
Nợ phải trả tài chính	-	(129.400)
	359.950	357.400
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tài sản tài chính	-	136.000
Nợ phải trả tài chính	(402.000)	(280.000)
	(402.000)	(144.000)

Nếu lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi thay đổi 1% một năm sẽ làm tăng hoặc giảm lợi nhuận trước thuế cho giai đoạn 6 tháng của Công ty 2.010 triệu VND (năm 2012: 1.440 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến tố khác sẽ không thay đổi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

24.5 Giá trị hợp lý

(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	362.585	362.585	257.806	257.806
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.212	12.212	35.679	35.679
- Các tài sản tài chính khác	-	-	368.000	368.000
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(35.424)	(35.424)	(26.857)	(26.857)
- Các khoản vay	(402.000)	(402.000)	(409.400)	(409.400)
	(62.627)	(62.627)	225.228	225.228

(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

25. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Chuyển từ khoản phải thu khác từ các công ty con sang đầu tư ngắn hạn vào các công ty con này	-	66.686.955.061
Chuyển từ khoản phải thu khác từ một công ty con sang đầu tư dài hạn vào công ty con này	100.000.000.000	-
Cần trừ khoản vay dài hạn từ một Công ty con và khoản phải thu khác từ công ty con này	79.400.000.000	-
Chuyển từ khoản vay cấp cho một công ty con sang đầu tư dài hạn vào công ty con này	15.000.000.000	63.200.000.000

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát</i>		
Các khoản cho vay	-	47.975.934.518
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	33.500.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	12.093.446.949	53.715.934.518
<i>Công ty CP Nội thất Hòa Phát</i>		
Các khoản cho vay	49.700.000.000	76.600.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	32.100.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	88.243.613.500	112.487.491.638
<i>Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát</i>		
Các khoản cho vay	209.100.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	81.500.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	143.134.425.108	95.279.687.725
Góp vốn	100.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát</i>		
Các khoản cho vay	-	10.209.084.967
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	10.209.084.967
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	2.300.000.000	15.209.084.967

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

	Giá trị giao dịch cho giai đoạn	
	6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
<i>Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát</i>		
Các khoản cho vay	-	25.200.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	25.200.000.000
<i>Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát</i>		
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	9.175.236.525	16.995.970.679
<i>Công ty CP Thép Hòa Phát</i>		
Các khoản đi vay	-	7.000.000.000
Thanh toán gốc đi vay	-	7.000.000.000
Các khoản cho vay	15.000.000.000	258.180.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	110.430.000.000
Góp vốn	499.990.000.000	-
<i>Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông</i>		
Các khoản cho vay	85.000.000.000	-
Góp vốn	100.000.000.000	96.200.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát</i>		
Các khoản cho vay	-	34.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	34.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	79.533.717.448	68.299.545.839
<i>Công ty TNHH Golden Gain Việt Nam</i>		
Mua cổ phần	-	204.274.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	300.000.000.000	-
Lãi vay	8.056.983.219	52.213.114.754
<i>Công ty CP Năng lượng Hoà Phát</i>		
Các khoản cho vay	-	38.300.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	43.000.000.000	15.300.000.000
Lãi vay	792.000.000	6.119.575.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	99.890.000.000	-
<i>Công ty CP Khoáng Sản Hòa Phát</i>		
Các khoản cho vay	-	23.601.935.576
Nhận thanh toán gốc cho vay	10.000.000.000	5.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	4.385.515.373
<i>Thành viên Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị</i>		
Lương và thưởng	470.470.010	349.518.976
Thù lao	1.194.000.000	1.244.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

27. Cam kết

27.1 Cam kết góp vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết góp vốn sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát SSG	5.670.000.000	5.670.000.000
Công ty CP Thép Hoà Phát	-	425.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Khai thác Khoáng sản Yên Phú	13.500.000.000	10.000.000.000
	19.170.000.000	441.470.000.000

27.2 Cam kết hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	341.547.600	684.547.600
Trong vòng hai đến năm năm	3.422.736.000	3.422.736.000
Sau năm năm	17.797.500.800	18.140.500.800
	21.561.784.400	22.247.784.400

27.3 Cam kết bảo lãnh

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty con như sau:

- Công ty đã bảo lãnh cho các khoản phải trả gốc vay và các hợp đồng thư tín dụng (“L/C”) đến hạn thanh toán của Công ty CP Năng lượng Hòa Phát, với Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam (“ANZ”) với số tiền tối đa là 600.000 triệu VND.
- Công ty đã bảo lãnh cho các khoản phải trả gốc vay và các hợp đồng L/C đến hạn thanh toán của Công ty CP Thép Hòa Phát, với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền tối đa là 700.000 triệu VND và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam với số tiền tối đa là 500.000 triệu VND.
- Công ty đã bảo lãnh cho các khoản phải trả gốc vay đến hạn thanh toán của Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông, với Ngân hàng TNHH Indovina với số tiền tối đa là 300.000 triệu VND và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với số tiền tối đa là 132.000 triệu VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

28. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.364.803.990	2.839.333.256
Chi phí khấu hao	9.883.308.930	8.100.591.493
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.564.668.480	4.585.263.016
Chi phí khác	5.229.706.536	4.198.453.029

Người lập:



Lý Thị Ngạn
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

15 -08- 2013